

**CÔNG TY TNHH ĐẤT XANH KINH BẮC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẤT XANH KINH BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KINH BAC GREEN LAND COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KINHBACGREENLAND CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300979157

**3. Ngày thành lập:** 05/04/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

113 Nguyễn Văn Cừ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0913296775

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                            | 2220     |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                           | 2393     |
| 3.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510     |
| 4.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690     |
| 5.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742     |
| 6.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 7.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610     |
| 8.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311     |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312     |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                         | 4322     |
| 11. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933     |
| 12. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                               | 8230     |
| 13. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                               | 9511     |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 15. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                         | 6209     |
| 16. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                            | 4661     |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                                    | 5221     |

|     |                                                                                                                                                                                        |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 18. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                          | 5621                                                         |
| 19. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                | 5630                                                         |
| 20. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                             | 3312                                                         |
| 21. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                           | 4220                                                         |
| 22. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                 | 3313                                                         |
| 23. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                              | 4210                                                         |
| 24. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                    | 4390                                                         |
| 25. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                               | 2395                                                         |
| 26. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                    | 4662                                                         |
| 27. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                  | 4100                                                         |
| 28. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                  | 4321                                                         |
| 29. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                              | 4610                                                         |
| 30. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                     | 4649                                                         |
| 31. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                    | 4651                                                         |
| 32. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                    | 4931                                                         |
| 33. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                  | 6810(Chính)                                                  |
| 34. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                | 4663                                                         |
| 35. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4741                                                         |
| 36. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                    | 7110                                                         |
| 37. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                             | 4290                                                         |
| 38. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                         | 4329                                                         |
| 39. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                         | 4330                                                         |
| 40. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                        | 4659                                                         |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                              | 5222                                                         |
| 42. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                     | 4652                                                         |
| 43. | Ghi chú: Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐĂNG AN  | Thôn Lộ Bao, Xã Nội Duệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                      | 6.600.000.000         | 33,000    | 125559426                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN KỲ THÀNH | Số 4 ngõ Liên Trì, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 13.400.000.000        | 67,000    | 010427468                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN KỲ THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/03/1957

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 010427468

Ngày cấp: 15/06/2010

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4 ngõ Liên Trì, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 4 ngõ Liên Trì, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh